

Số: /KH-UBND

Tân Bình, ngày tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai, thực hiện nội dung hỗ trợ PTSX nông nghiệp (Tiểu dự án 1, Dự án 3) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BCT ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 về quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2023 về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ PTSX thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022; số 07/2022/NQ-HĐND, ngày 11/12/2022 quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa;

UBND xã Tân Bình xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng nhận hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn xã;

+ Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Phạm vi thực hiện: Tại các thôn trên địa bàn xã.

II. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

- Hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung quy định tại điểm a mục 3 phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (Điều 20 ND 38/2023/ND-CP).

2. Phương thức, điều kiện hỗ trợ:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ do chính cộng đồng dân cư đề xuất và tổ chức thực hiện. Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

III. NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG *(theo quy định tại NQ số 06/2022/NQ-HĐND và NQ số 09/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)*

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện 01 dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/ND-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/ND-CP, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

2. Nội dung hỗ trợ: theo quy định tại khoản 4, Điều 22, Nghị định 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm 4, khoản 13, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung sau:

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.
- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi.

3. Cách tính tổng mức chi phí cho một dự án

Tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Điều 22 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), quy định: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Như vậy, tổng kinh phí thực hiện dự án phải tính cả phần đối ứng đạt mức tối thiểu theo quy định.

4. Định mức hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi cho 01 hộ nghèo (theo quy định tại NQ số 06/2022/NQ-HĐND và NQ số 08/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)

4.1. Dự án trồng trọt

a) Dự án trồng cây lâu năm: Hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

b) Dự án trồng cây hàng năm: Hỗ trợ không quá 4,8 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

4.2. Dự án phát triển cây dược liệu quý

Hỗ trợ tối đa 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm để mua giống cây dược liệu, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; định mức hỗ trợ cho cả 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất không quá 4,8 triệu đồng/hộ nghèo.

4.3. Dự án chăn nuôi

a) Giống trâu sinh sản: Hỗ trợ không quá 16 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

b) Giống bò sinh sản: Hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/hộ để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

c) Chăn nuôi gia súc khác: Hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 01 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

d) Chăn nuôi gia cầm: Hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

e) Chăn nuôi động vật khác (nằm trong danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam): Hỗ trợ không quá 7 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

4.4. Dự án lâm nghiệp

Hỗ trợ không quá 12 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

4.5. Dự án nuôi trồng thủy sản

Hỗ trợ không quá 11 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống, thức ăn, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

Người lao động là người khuyết tật không có sinh kế ổn định, mức hỗ trợ tham gia dự án bằng 100% mức hỗ trợ cho hộ nghèo; mức hỗ trợ cho hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án thuộc các mục nêu trên, bằng 80% mức hỗ trợ cho hộ nghèo; mức hỗ trợ hộ không nghèo (người dân sinh sống trên địa bàn huyện) tham gia dự án bằng 50% mức hỗ trợ cho hộ nghèo.

5. Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật cho người tham gia dự án: thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 12 và khoản 1, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

6. Chi hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của phòng Tài chính - Kế hoạch (quy định tại khoản 2, Điều 12, Thông tư 55/2023/TT-BTC).

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

Thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND, số 10/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Cụ thể:

1. Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và lập hồ sơ dự án.

Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Xác định, lựa chọn đối tượng tham gia dự án để lựa chọn cộng đồng dân cư phù hợp; tổ chức họp thôn (có ít nhất 2/3 số hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia) để lựa chọn đối tượng tham gia dự án (hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án). Xác định cộng đồng dân cư như sau:

- + Nhóm hộ được UBND cấp xã chứng thực.
- + Hoặc tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật (Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác).
- + Hoặc nhóm hộ do tổ chức chính trị xã hội làm đại diện: Hội nông dân xã, Hội liên hiệp phụ nữ xã, Đoàn thanh niên xã,...
- + Hoặc nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện: đối với trường hợp dự án PTSX chỉ triển khai trong phạm vi 01 thôn.

Bước 2: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề xuất dự án.

- + Tổ chức họp dân để thống nhất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Chủ trì cuộc họp: Người đại diện cộng đồng dân cư.

Thành phần tham gia: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, và các đối tượng có liên quan trong cộng đồng dân cư; đại diện UBND xã.

Cách thức tiến hành: cộng đồng dân cư tiến hành tổ chức họp dân, bàn bạc, thống nhất các nội dung để xây dựng dự án phát triển sản xuất cộng đồng (thống nhất nội dung hỗ trợ, tên dự án, lựa chọn đối tượng giống cây trồng, vật nuôi đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất, phù hợp với tình hình sản xuất trên địa bàn).

Lập biên bản họp dân theo mẫu hồ sơ quy định tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND và NQ số 10/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (**Mẫu số 01 đính kèm**).

- + Trên cơ sở biên bản họp dân, Đại diện cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất cộng đồng theo mẫu hồ sơ quy định tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND, NQ số 10/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: **đơn đề nghị theo mẫu số 02; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo mẫu số 03.**

Tổng hợp hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất, sau đó nộp hồ sơ. Hồ sơ đề xuất dự án gồm: biên bản họp dân; đơn đề nghị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo các mẫu trên.

2. Nộp hồ sơ

- **Bước 3:** Cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án sản xuất, gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án sản xuất.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt (hồ sơ nộp qua phòng NN&PTNT). Hồ sơ

gồm có: Tờ trình của UBND xã; hồ sơ đề xuất dự án của cộng đồng dân cư; hồ sơ thành lập cộng đồng dân cư (nhóm hộ); cam kết tham gia dự án của hộ dân; giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... của đối tượng được hỗ trợ tham gia dự án.

3. Thẩm định hồ sơ

- **Bước 5:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án và cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối. .

Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

4. Phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

- **Bước 6:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 22 sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

V. TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

1. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

2. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên:

a) Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

c) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

d) Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định của UBND tỉnh.

3. Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ đối với các dự án hỗ trợ theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BCT, cụ thể như sau:

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án; chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; đơn vị được giao vốn thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định;

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng;

- Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

4. Thực hiện việc thanh toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định Luật ngân sách nhà nước. Cụ thể theo quy định tại khoản 4 Điều 58, khoản 3 Điều 10, khoản 5 Điều 3 Thông tư 55/2023/TT-BCT và hướng dẫn của phòng Tài chính - Kế hoạch.

Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán (Bên A) ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện (Bên B) theo quy định của pháp luật, tài liệu làm căn cứ thanh toán, quyết toán được lưu tại Bên A gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của Bên B, uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do Bên B trực tiếp thực hiện lưu

giữ theo quy định hiện hành. Bên B có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

VI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

VII. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giống cây trồng, vật nuôi:

- Trồng trọt: Sử dụng hạt giống, cây giống có chất lượng đảm bảo quy định, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương; giống đạt cấp xác nhận trở lên; có bảo hành của cơ sở sản xuất và đủ điều kiện để đưa vào sản xuất.

- Chăn nuôi: Mua loại giống phù hợp với nhu cầu địa phương; có nguồn gốc từ các hộ gia đình hoặc cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng, tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Lâm nghiệp: Cây giống lâm nghiệp có chất lượng tốt, phải có xuất xứ rõ ràng và phù hợp với điều kiện sinh thái; tiêu chuẩn, chất lượng cây giống phải đảm bảo với tiêu chuẩn đơn vị đã công bố nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn quốc gia.

- Thủy sản: Lựa chọn con giống được sản xuất ở các cơ sở sản xuất giống có uy tín, chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở đã công bố. Đối với giống di nhập từ tỉnh ngoài về phải có giấy kiểm dịch theo quy định.

2. Phân bón:

Phân bón khi đưa vào sử dụng là sản phẩm trong danh mục được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Ưu tiên sử dụng các loại phân hữu cơ, phân sinh học, phân hỗn hợp, hạn chế dùng phân đơn.

Trên đây là kế hoạch triển khai, thực hiện dự án hỗ trợ PTSX nông nghiệp (Tiểu dự án 1, Dự án 3) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023 của UBND xã Tân Bình. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị thành viên Ban chỉ đạo, ban thôn có văn bản báo cáo về UBND xã để có giải pháp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy-TTHĐND (b/c);
- Chủ tịch, các phó chủ tịch (t/k);
- MTTQ-Đoàn thể (p/h);
- Thành viên BCD (t/h);
- 6/6 thôn (t/h);
- Lưu:VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nguyễn

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông: Chức vụ: Trưởng thôn, kiêm BT chi bộ

- Thư ký cuộc họp: Ông: Chức vụ:

II. Thành phần tham gia:

- Ông:

- Bà:

- Ông:

- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn

...

III. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến điều kiện, chính sách hỗ trợ và các thông tin có liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:

- Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 22, Nghị định số [27/2022/NĐ-CP](#) ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

-

.....

-

.....

-

.....

-

.....

-

.....

-

.....

2. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Dự kiến tên dự án là:

.....

b) Ý kiến tham gia của các thành phần tham gia cuộc họp:

.....

.

.....

.

.....

.

c) Thống nhất tên dự án là:

.....

Biểu quyết: hộ/... tổng số hộ tham gia.

3. Đối tượng tham gia dự án.....

a) Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

.....

.....
b) Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó: hộ nghèo,..... hộ cận nghèo,..... hộ mới thoát nghèo,..... hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác).

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Xác định kinh phí thực hiện dự án:

Trên cơ sở chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khả năng huy động kinh phí hợp pháp khác, cuộc họp đã thảo luận, tính toán, thống nhất kinh phí thực hiện dự án, như sau:

Tổng kinh phí là:đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là:đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

5. Nội dung hoạt động

5.1. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn các nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....
.....
.....
.....
.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung; vì vậy, cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn trong các nội dung này đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ.

5.2. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất các nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

.....
 - Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....
 - Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác.

6. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

Đối với hộ nghèo;.....

Đối với hộ cận nghèo;.....

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... /..... /của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

8. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết
 :.....

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất đề cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ 30 phút cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

**Đại diện nhóm hộ/
Tổ hợp tác cộng đồng**

**Đại diện UBND
xã**

Thư ký

Chủ trì cuộc họp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG
(*Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022- 2025*)

Kính gửi:

Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Trên cơ sở Biên bản họp dân ngày.... thángnăm....., Cộng đồng dân cư đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., với các nội dung cụ thể sau:

I. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

2. Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó:
(*nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...*).

Đối tượng tham gia dự án đạt% (> 50%) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó có % đối tượng tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3. Kinh phí thực hiện dự án

Tổng kinh phí: đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

4. Nội dung hoạt động

4.1. Nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....
.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung: (1) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm, (2) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, (3) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

4.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

.....

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án*, (2) *Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương*, (3) *Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả*.

5. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh.

6. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

7. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

II. CAM KẾT: (tên Cộng đồng dân cư)..... cam kết:

1. Đảm bảo tính chính xác của những thông tin nêu trên.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đối ứng đủ kinh phí huy động từ nguồn khác theo nội dung đã đăng ký và dự án được phê duyệt.

4. Đảm bảo thực hiện quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ theo nội dung đã đăng ký và dự án được phê duyệt.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Nếu không thực hiện đúng cam kết nêu trên, cộng đồng dân cư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan đơn vị giao vốn và trước pháp luật.

III. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND xã.....
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi họ tên)

Mẫu số 03: Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

Tên dự án:

1. Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:.....

b) Mục tiêu cụ thể: Sau chu kỳ sản xuất các đối tượng tham gia dự án sẽ tăng thu nhập từ ... đồng trở lên (xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được và quy đổi thành tiền theo giá trị tại thời điểm tính toán); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: ... hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Đối tượng tham gia dự án đạt ...% (> 50%) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó có% đối tượng tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn triển khai dự án:

6. Nội dung hoạt động của dự án

6.1. Nội dung hoạt động hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....
.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung (1) *Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm*, (2) *Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi*, (3) *Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm*.

6.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....
.....

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....
.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

.....

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án*, (2) *Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương*, (3) *Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả*.

7. Tổng kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Có mẫu dự toán chi tiết đính kèm theo)

8. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
- Thời gian hỗ trợ: Năm hoặc Giai đoạn

9. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh.

10. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

11. Hiệu quả thực hiện của dự án, phương án

- Hiệu quả về kinh tế:
- Hiệu quả về xã hội:
- Hiệu quả về môi trường:

12. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan)

13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

14. Tổ chức thực hiện dự án:

15. Các nội dung liên quan khác

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(ký, ghi rõ họ tên)

MẪU DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng)

[illegible]

